

Số: /TB-SKHCHN

Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026 (đợt 2)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCHN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 146/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phân cấp thực hiện một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-UBND, ngày 10/5/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Bình năm 2026;

Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng thông báo và kính mời các tổ chức, cá nhân có năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ tham gia đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026 (có Danh mục nhiệm vụ KH&CN gửi kèm).

1. Thành phần hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCHN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước được đăng tải trên Website của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình: <https://sokhcn.ninhbinh.gov.vn/> (có biểu mẫu kèm theo), bao gồm:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (Biểu mẫu III.01-ĐĐK.TC Thông tư số 09/2024/TT-BKHCHN ngày 27/12/2024);

- Bản sao các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức theo quy định pháp luật (Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức chủ trì/Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân khác);

- Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu mẫu III.06-TM.ĐTUD hoặc III.07-TM.ĐTXH ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TTBKHCHN ngày 27/12/2024);

- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ (Biểu mẫu III.02-LLTC ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024);

- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học (Biểu mẫu III.03-LLCN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024);

- Lý lịch khoa học chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài trong trường hợp có chuyên gia tham gia thực hiện (Biểu mẫu III.04-LLCG ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024);

- Văn bản xác nhận phối hợp thực hiện của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ (trong trường hợp có tổ chức tham gia phối hợp thực hiện) (Biểu mẫu III.05-VB.XNPH ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024); Văn bản xác nhận đồng ý tiếp nhận, ứng dụng kết quả của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Đối với nhiệm vụ có yêu cầu vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước phải có văn bản chứng minh khả năng bố trí, huy động vốn ngoài ngân sách như sau:

+ Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

+ Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ và báo cáo tài chính theo quy định pháp luật trong 02 năm gần nhất của tổ chức tham gia góp vốn;

+ Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng và tổ chức chủ trì có giá trị bảo đảm được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ.

2. Số lượng hồ sơ

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn gồm 10 bộ (01 bản chính và 09 bản sao), trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

+ Hồ sơ tham gia dự tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026;

+ Tên nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đăng ký tham gia tuyển chọn;

+ Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì, tên chủ nhiệm nhiệm vụ;

+ Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

3. Địa chỉ và thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn:

- Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình, Số 8- Lê Hồng Phong - phường Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 0229.3871157;

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 12/06/2026 đến hết ngày 12/07/2026;

Lưu ý:

- Hồ sơ không hoàn trả lại. Thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực theo quy định hiện hành.

- Dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Trong khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tuyển chọn có quyền rút hồ sơ để thay hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi.

Để biết thêm thông tin, tổ chức, cá nhân vui lòng liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình (Văn phòng Sở) (Bà Nguyễn Thị Xuyến - Chuyên viên Văn phòng Sở, số điện thoại: 0945094888 (trong giờ hành chính).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm KHCN, ĐMST và CDS (để đăng tin);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Vũ Trọng Quế

Danh mục các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện năm 2026 (đợt 2)
(Kèm theo Thông báo của Sở KH&CN số: /TB-SKHCN ngày tháng 6 năm 2026)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
1	Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông tại Ninh Bình: Thực trạng kinh nghiệm và giải pháp	- <i>Mục tiêu chung:</i> Phân tích thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng chuyển đổi số hiện nay trong giáo dục phổ thông tại tỉnh Ninh Bình từ đó đề ra các giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục bậc phổ thông nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tại Ninh Bình hiện nay lên một tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn của chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông. Nghiên cứu kinh nghiệm và rút ra bài học cho tỉnh Ninh Bình về chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông từ một số địa phương cũng như của các quốc gia trên thế giới + Xác định các yếu tố tác động tới chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông. + Phân tích và đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông tại Ninh Bình hiện nay + Phân tích và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới chuyển đổi số trong giáo	- Báo cáo kết quả nghiên cứu: Cơ sở khoa học và thực tiễn của chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông. Nghiên cứu kinh nghiệm và rút ra bài học cho tỉnh Ninh Bình về chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông từ một số địa phương cũng như của các quốc gia trên thế giới. - Báo cáo kết quả nghiên cứu: Phân tích và đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông tại Ninh Bình hiện nay - Báo cáo kết quả nghiên cứu: Xác định và phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông tại Ninh Bình - Báo cáo kết quả nghiên cứu: Các định hướng, chính sách và các giải pháp để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tại Ninh Bình. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ và các tài liệu liên quan. - 01 bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư nhà nước - 01 bài viết khoa học đăng trên kỷ yếu có mã ISBN của hội thảo quốc tế uy tín - Tham gia đào tạo 01 cao học viên	Đề tài Khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		dục phổ thông tại Ninh Bình, + Đề xuất các định hướng, chính sách và các giải pháp để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tại Ninh Bình.		
2	Thực trạng và giải pháp chuyển dịch lao động từ các khu vực sản xuất truyền thống sang dịch vụ du lịch tại Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung:</i> Nghiên cứu và đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động tại tỉnh Ninh Bình từ các khu vực sản xuất truyền thống sang ngành dịch vụ du lịch, từ đó phân tích các yếu tố tác động, đưa ra giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ quá trình chuyển dịch lao động hiệu quả, bền vững, đồng thời thúc đẩy phát triển ngành du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, góp phần vào việc nâng cao năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế của địa phương. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Đánh giá thực trạng chuyển dịch lao động từ các khu vực sản xuất truyền thống sang ngành dịch vụ du lịch tại tỉnh Ninh Bình. + Phân tích những khó khăn, thuận lợi, nguyên nhân và yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch. + Xây dựng mô hình đào tạo để người lao	- Báo cáo phân tích thực trạng chi tiết về cơ cấu lao động và quá trình chuyển dịch tại Ninh Bình. - Bộ dữ liệu khảo sát về lao động tại ít nhất 5 địa phương tiêu biểu (ví dụ: xã Trường Yên, xã Ninh Hải; xã Gia Sinh; xã Cúc Phương; Văn Lâm...) - Đề xuất ít nhất 5 nhóm giải pháp cụ thể và có tính khả thi cao, mỗi nhóm giải pháp kèm theo lộ trình thực hiện, nguồn lực cần thiết và các chỉ số đánh giá hiệu quả. - Mô hình đào tạo chuyển dịch lao động theo lộ trình, được thiết kế dựa trên năng lực và phù hợp với nhu cầu thực tế của ngành du lịch và đặc điểm của lao động địa phương. Cụ thể: Tiến hành xây dựng mô hình và đào tạo kỹ năng mềm và Thực hành thực tế cho 02 nghề Du lịch và Dịch vụ y tế Y học cổ truyền;... Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đảm bảo tính thực tiễn và hiệu quả. Nội dung đào tạo bao gồm: kiến thức lý thuyết chuyên môn; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; kỹ năng mềm. - Tài liệu khuyến nghị chính sách cho chính quyền	Đề tài Khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		động dễ dàng tiếp cận công việc khi chuyển dịch cơ cấu lao động, đặc biệt tập trung vào các kỹ năng thiết yếu của ngành dịch vụ du lịch và khả năng thích ứng với môi trường công việc mới. + Đề xuất hệ thống giải pháp cụ thể và khả thi nhằm thúc đẩy chuyển dịch lao động hiệu quả, bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hướng tới mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.	địa phương và ngành du lịch, bao gồm các chính sách khuyến khích, hỗ trợ quá trình chuyển dịch lao động. - Ít nhất 1 bài báo khoa học công bố trên tạp chí chuyên ngành - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ, các tài liệu liên quan. - Kết quả của đề tài được chuyển giao cho đơn vị có thẩm quyền/địa phương trên địa bàn tỉnh sử dụng, khai thác.	
3	Xây dựng và áp dụng mô hình quản lý chất lượng năng suất xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030	- <i>Mục tiêu chung:</i> Hỗ trợ các doanh nghiệp tại tỉnh Ninh Bình áp dụng mô hình quản lý chất lượng năng suất xanh để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hướng đến phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Đánh giá hiện trạng năng suất xanh của một số ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. + Xây dựng mô hình điểm về áp dụng mô hình quản lý chất lượng năng suất xanh tiên tiến (như ISO 14001, ISO 50001; ISO 14064...) vào các doanh nghiệp của tỉnh Ninh Bình. + Đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia năng suất áp dụng thành thạo các công cụ năng suất xanh vào thực tiễn doanh nghiệp	- Báo cáo tổng kết đánh giá thực trạng và nhu cầu áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng năng suất xanh, của doanh nghiệp Ninh Bình. - Xây dựng 1-2 mô hình điểm về áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng, năng suất xanh. - Đào tạo 30 học viên về các kỹ thuật năng suất xanh, đánh giá cấp chứng nhận chuyên gia năng suất cho ít nhất 20 học viên theo tiêu chuẩn APO PS 101:2023 hoặc TCVN 13751:2023. - Tối thiểu 10 doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng thành công các hệ thống và công cụ, được cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng năng suất xanh. - Xây dựng bộ tài liệu quản lý chất lượng năng suất xanh cho các doanh nghiệp. - Báo cáo kiến nghị cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm khuyến khích doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng năng suất xanh.	Đề tài Khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		+ Hỗ trợ tối thiểu 10 doanh nghiệp áp dụng thành công mô hình quản lý chất lượng năng suất xanh, trong đó ưu tiên các giải pháp liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính, tái chế và bảo vệ môi trường. + Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm khuyến khích doanh nghiệp chủ lực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng năng suất xanh.	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ, các tài liệu liên quan.	
4	Xây dựng mô hình nông dân ứng dụng công cụ số, định hướng tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ nông dân tỉnh Ninh Bình trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.	- Khảo sát thực trạng hành vi sử dụng công nghệ số của người nông dân tỉnh Ninh Bình trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ tiếp cận công nghệ, nhu cầu, rào cản, và điều kiện sẵn sàng tiếp nhận công nghệ số của các nhóm nông dân đồng thời mở rộng khảo sát tới các cán bộ khuyến nông, cán bộ quản lý hợp tác xã và doanh nghiệp thu mua nông sản nhằm thu thập ý kiến đa chiều từ các chủ thể trong chuỗi giá trị. - Xây dựng một bộ tiêu chí “nông dân số cơ bản” phản ánh năng lực thiết yếu để người nông dân có thể tiếp cận, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Bộ tiêu chí được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát thực tế, tham vấn chuyên gia và hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan, bao gồm các nhóm năng lực như sử dụng thiết bị thông minh, tra cứu thông	- Xây dựng một báo cáo khảo sát toàn diện về thực trạng tiếp cận và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản của nông dân tỉnh Ninh Bình. Báo cáo cần phản ánh rõ các đặc điểm hành vi, mức độ sẵn sàng, nhóm nhu cầu và những rào cản phổ biến khi ứng dụng công nghệ của các nhóm nông dân. Đề xuất yêu cầu khảo sát tối thiểu 250 nông dân tại các mô hình HTX NN tiêu biểu các vùng đại diện, kết hợp với ý kiến chuyên gia và cán bộ cơ sở để đảm bảo tính khách quan và bao quát. - Xây dựng bộ tiêu chí “nông dân số cơ bản” gồm các nhóm năng lực thiết yếu, có khả năng áp dụng trong thực tiễn đào tạo, phân loại và hỗ trợ nông dân trong quá trình chuyển đổi số. Tiêu chí cần có cấu trúc rõ ràng, định hướng lượng hóa, phù hợp với điều kiện của tỉnh Ninh Bình và có thể sử dụng như một công cụ đánh giá năng lực số tại địa phương. - Thiết kế và phát triển một công cụ số phù hợp	Đề tài Khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		tin, ghi chép điện tử, kết nối chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ vào sản xuất thực tiễn. - Thiết kế và phát triển một công cụ phù hợp với trình độ phổ biến của nông dân, ưu tiên sử dụng nền tảng phổ biến như Zalo chatbot hoặc ứng dụng di động với giao diện trực quan, dễ sử dụng. Công cụ cần tích hợp các chức năng thiết yếu như tra cứu kỹ thuật, ghi nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc và kết nối tiêu thụ. Quá trình phát triển công cụ sẽ có giai đoạn kiểm thử sơ bộ (alpha test) nhằm điều chỉnh trước khi triển khai thử nghiệm rộng. - Triển khai thử nghiệm công cụ tại 03 mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiêu biểu, lựa chọn theo tiêu chí đại diện về ngành hàng, vùng sinh thái và mức độ sẵn sàng hợp tác. Ít nhất 50 hộ nông dân sẽ tham gia thử nghiệm, được tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Việc đánh giá hiệu quả thử nghiệm bao gồm cả chỉ số định lượng (tần suất sử dụng, hiệu quả kinh tế, mức độ tiếp cận thị trường) và phản hồi định tính (sự hài lòng, khó khăn, đề xuất cải tiến). - Đề xuất nhóm giải pháp nhằm duy trì, cập nhật và nhân rộng công cụ sau khi kết	với trình độ phổ biến của nông dân, ưu tiên sử dụng nền tảng quen thuộc (như Zalo chatbot hoặc ứng dụng điện thoại có giao diện đơn giản). Công cụ cần có tối thiểu một số phân hệ chức năng sau: + Xây dựng Cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu thông tin kỹ thuật nông nghiệp, thông tin sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc, quản lý HTX + Xây dựng AI chatbot tích hợp trên Zalo Mini App hoặc ứng dụng di động với giao diện đơn giản, giúp bà con thuận tiện trong việc: Tra cứu/hỏi đáp thông tin kỹ thuật nông nghiệp; Cập nhật thông tin sản xuất và truy xuất nguồn gốc; Giới thiệu sản phẩm, kết nối khách hàng/thương lái đẩy mạnh tiêu thụ. - Thực hiện thử nghiệm công cụ tại 03 mô hình sản xuất cụ thể (ít nhất 03 mô hình hợp tác xã nông nghiệp) với sự tham gia của nông dân và cán bộ kỹ thuật địa phương. Kết quả thử nghiệm phải phản ánh được khả năng vận hành, tính thân thiện, hiệu quả sử dụng của công cụ và các yếu tố ảnh hưởng đến việc nhân rộng mô hình trong tương lai. - Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu và đề xuất chính sách triển khai mô hình “nông dân số” tại tỉnh Ninh Bình, trong đó bao gồm phương án duy trì, cập nhật công cụ, tổ chức đào tạo và tích hợp vào các chương trình chuyển đổi số đang triển khai tại địa phương. - Công bố ít nhất một bài báo khoa học thể hiện	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		thúc đề tài, bao gồm cơ chế tổ chức vận hành, nguồn lực tài chính, kế hoạch đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và lộ trình tích hợp vào các chương trình chuyển đổi số nông nghiệp của tỉnh, nhằm bảo đảm tính bền vững và hiệu quả trong triển khai thực tiễn.	kết quả nghiên cứu của đề tài, đồng thời đề xuất xây dựng các tài liệu hỗ trợ phổ biến (tài liệu hướng dẫn, clip trực quan, infographic đơn giản) phục vụ đào tạo và tuyên truyền cho người dân trong quá trình sử dụng công cụ sau khi kết thúc nhiệm vụ. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ, các tài liệu liên quan. - Kết quả của đề tài được chuyển giao cho đơn vị có thẩm quyền/Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh sử dụng, khai thác.	
5	Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Làng nghề Sinh Dược” cho sản phẩm thuốc làng thuốc Sinh Dược, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Làng nghề Sinh Dược” cho sản phẩm thuốc làng thuốc Sinh Dược, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	- Báo cáo đánh giá hiện trạng sản xuất kinh doanh sản phẩm dược tại làng nghề Sinh Dược. - Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể bao gồm: Tờ khai, Mẫu nhãn hiệu, Quy chế quản lý và sử dụng NHTT, văn bản cho phép sử dụng tên địa danh. - Hệ thống các quy định quản lý NHTT, bao gồm: + Quy định kiểm soát NHTT; + Quy định cấp và thu hồi quyền sử dụng NHTT; + Quy trình sản xuất sản phẩm. - Bộ hồ sơ cấp quyền sử dụng NHTT - Xây dựng dự thảo mô hình tổ chức quản lý NHTT - Tài liệu tập huấn Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ và người dân trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể. - Bộ thiết kế nhận diện thương hiệu NHTT - Tài liệu giới thiệu sản phẩm tại Hội chợ: Tờ rơi, Tem nhãn, Sổ tay.	Dự án khoa học và công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan.	
6	Nghiên cứu xây dựng khung chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững tỉnh Ninh Bình đến năm 2035	- <i>Mục tiêu chung:</i> Nghiên cứu được cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng được khung chương trình và định hướng ưu tiên xác định các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 và định hướng năm 2045. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Nghiên cứu được cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình để có định hướng xây dựng khung chương trình, danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 và định hướng năm 2045. + Đánh giá được kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2015-2025. + Xây dựng được kịch bản tăng trưởng cao, bền vững tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 và định hướng năm 2045 và đánh giá, đo lường được sự đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và	- Báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề xuất định hướng ưu tiên xác định Chương trình khung chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số địa phương - Báo cáo đề xuất Chiến lược khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 và tầm nhìn năm 2045. - Báo cáo Khung chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2035. - Đề xuất định hướng danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2035. - Báo cáo đánh giá tác động của cơ chế, chính sách khi ban hành khung chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình - Báo cáo giải pháp khả thi, cơ chế, chính sách đặc thù cho việc thực hiện khung chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 - 01 bài báo đăng tạp chí khoa học trong nước	Đề tài Khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		chuyển đổi số. + Nghiên cứu, đề xuất được khung chương trình và định hướng ưu tiên xác định nhiệm vụ KH, CN, ĐMST và CDS góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao, bền vững tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 và định hướng năm 2045. + Xây dựng chiến lược khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045	- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ, các tài liệu liên quan. - Kết quả của đề tài được chuyển giao cho đơn vị có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh sử dụng, khai thác.	
7	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung</i>: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình - <i>Mục tiêu cụ thể</i>: + Bổ sung, hoàn thiện một số vấn đề lý luận về hoạt động của các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa. + Đánh giá đặc điểm, tình hình, thực trạng hoạt động của các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	- Báo cáo số liệu điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Các báo cáo: (1) Cơ sở lý luận về đặc điểm, tính chất liên quan đến công tác PCCC và CNCH tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa; (2) Cơ sở lý luận về xây dựng hình phong trào toàn dân PCCC và CNCH tại các khu vực quần thể, di tích lịch sử văn hóa. (3) Tình hình, đặc điểm liên quan đến việc xây dựng mô hình trong phong trào toàn dân PCCC và CNCH tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; (4) Thực trạng hoạt động của các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa	Đề tài Khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		+ Dự báo tình hình và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình trong phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	bản tỉnh Ninh Bình; (5) Dự báo tình hình công tác PCCC và CNCH và việc xây dựng mô hình phong trào toàn dân PCCC và CNCH tại các quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới; (6) Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình phong trào toàn dân PCCC và CNCH tại các quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình - Tổ chức 01 Hội thảo khoa học để tham gia ý kiến với các nội dung nghiên cứu. - Tổ chức 01 lớp tập huấn tuyên truyền kỹ năng PCCC và CNCH, giới thiệu, hướng dẫn vận hành 01 mô hình mới trong phong trào toàn dân PCCC và CNCH tại 01 quần thể di tích lịch sử văn hóa điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Tổ chức Hội nghị ra mắt 01 mô hình mới trong phong trào toàn dân PCCC và CNCH tại 01 quần thể di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan.	
8	Ứng dụng công nghệ bay không người lái (UAV) và Trí tuệ nhân tạo (AI) trong phòng chống	- <i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng công nghệ bay không người lái (UAV), trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống thông tin địa lý (WebGIS) nhằm nâng cao năng lực giám sát, phát hiện sớm, cảnh báo và hỗ trợ chỉ huy phòng, chống cháy rừng, hướng tới xây dựng mô hình quản lý cháy	- Cơ sở dữ liệu GIS: Bộ CSDL không gian về quản lý cháy rừng gồm bản đồ rừng, địa hình, nguy cơ cháy, tuyến tiếp cận, nguồn nước và khu dân cư tại khu vực trọng điểm cháy rừng phường Tây Hoa Lư và Nam Hoa Lư. Dữ liệu được chuẩn hóa, lưu trữ và khai thác trên	Dự án khoa học và công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	cháy rừng khu vực trọng điểm tại địa bàn Phường Tây Hoa Lư và Nam Hoa Lư tỉnh Ninh Bình.	rừng thông minh, số hóa và có khả năng nhân rộng. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Triển khai hệ thống UAV giám sát rừng từ trên không, thu thập và truyền dữ liệu hình ảnh, video theo thời gian thực để phát hiện sớm khói, lửa và đánh giá nhanh phạm vi, mức độ cháy rừng. + Phát triển mô hình AI tự động nhận dạng khói, lửa, điểm nhiệt và dự báo nguy cơ cháy rừng trên cơ sở tích hợp dữ liệu thời tiết, thảm thực vật và độ ẩm. + Xây dựng nền tảng WebGIS tích hợp UAV – AI – cảm biến, trực quan hóa vị trí cháy, khu vực nguy cơ cao, tuyến cứu hộ và nguồn nước, phục vụ công tác quản lý, điều hành và chỉ huy. + Hình thành hệ thống cảnh báo cháy rừng thông minh, hỗ trợ lực lượng kiểm lâm phát hiện, xác minh và phản ứng nhanh, làm cơ sở cho chuyển đổi số và nhân rộng mô hình trên phạm vi toàn tỉnh, khắc phục được những hạn chế so với sản phẩm đã được công bố, đang vận hành trên WebGIS (https://giamsatrungninhbinh.ifee.edu.vn/) và ứng dụng trên điện thoại (NinhBinhFFW) đối với toàn bộ diện tích rừng thuộc tỉnh Ninh Bình cũ (trước khi	nền tảng WebGIS, phục vụ phân tích và truy xuất lịch sử sự cố. - Mô hình AI: Mô hình Trí tuệ nhân tạo nhận dạng các thảm thực vật, cây rừng và các điểm nguy cơ cháy rừng. - Máy bay không người lái: 01 UAV phục vụ bay khảo sát rừng định kỳ, chụp ảnh RGB (và sẵn sàng tích hợp camera nhiệt); phục vụ cập nhật CSDL, huấn luyện AI và giám sát nguy cơ cháy - Nền tảng WebGIS: Hệ thống WebGIS tích hợp AI và CSDL hiển thị bản đồ rừng, cảnh báo, vùng nguy cơ, tuyến cứu hộ và nguồn nước. Cho phép giám sát thời gian thực, quản lý UAV, camera, cảm biến và gửi cảnh báo tự động qua Zalo/SMS/email; dễ dàng mở rộng phạm vi giám sát toàn tỉnh. Sản phẩm 5 – Bộ báo cáo khoa học và kỹ thuật: - Đánh giá hiệu quả mô hình AI, tỷ lệ phát hiện – phản ứng cho tỉnh Ninh Bình - Đào tạo, tập huấn công nghệ bay không người lái (UAV) và Trí tuệ nhân tạo (AI) trong phòng chống cháy rừng. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và báo cáo kỹ thuật vận hành hệ thống, quy trình cập nhật dữ liệu, cảnh báo và phản ứng sự cố, các tài liệu khác.	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		sáp nhập).		
9	Nghiên cứu ứng dụng giải pháp chuyển đổi số trong quản lý và hỗ trợ vận hành hệ thống kênh mương tỉnh Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung:</i> Nghiên cứu ứng dụng giải pháp chuyển đổi số trong quản lý và hỗ trợ vận hành hệ thống kênh mương tỉnh Ninh Bình - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Nghiên cứu điều tra, thu thập và phân tích dữ liệu hiện trạng kênh mương, bao gồm vị trí, kích thước, vật liệu, tình trạng xuống cấp, và lịch sử bảo trì. + Nghiên cứu phân tích các yêu cầu chuyển đổi số trong công tác quản lý và vận hành hệ thống kênh mương tại tỉnh Ninh Bình. - Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu GIS tích hợp thông tin địa hình, thủy văn, khí hậu, và hạ tầng kênh mương phục vụ công tác quản lý và vận hành, thí điểm cho một khu vực tại tỉnh Ninh Bình. + Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong giám sát và cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp của hệ thống kênh mương tại khu vực nghiên cứu. + Đào tạo và chuyển giao giải pháp chuyển đổi số trong công tác quản lý và vận hành hệ thống kênh mương khu vực nghiên cứu tại tỉnh Ninh Bình.	- Tổng quan về hiện trạng kênh mương trên địa bàn khu vực nghiên cứu, bao gồm vị trí, kích thước, vật liệu, tình trạng xuống cấp, và lịch sử bảo trì. - Quy trình chuyển đổi định dạng và chuẩn hóa dữ liệu không gian liên quan đến hệ thống kênh mương, địa hình, thủy văn trên các phần mềm chuyên dụng nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ trong GIS. - Quy trình xử lý và chuẩn hóa dữ liệu ảnh viễn thám trong giám sát và cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp của hệ thống kênh mương khu vực nghiên cứu. - Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu đồng bộ dạng số trong GIS trên cơ sở tích hợp các thông tin về tình trạng kỹ thuật của hệ thống kênh mương, địa hình, thủy văn nhằm phục vụ cho công tác phân tích, quản lý và vận hành. - Quy trình ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong quản lý và vận hành hệ thống kênh mương tại khu vực nghiên cứu thuộc tỉnh Ninh Bình nhằm đáp ứng các yêu cầu của cách mạng chuyển đổi số. - Bộ tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình ứng dụng công nghệ GIS phục vụ quản lý và vận hành hệ thống kênh mương tại khu vực nghiên cứu thuộc tỉnh Ninh Bình nhằm đáp ứng các yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số.	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			- Khu vực thực nghiệm: + Quy mô mô hình thực nghiệm: Thí điểm trên 02 hệ thống kênh mương thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình, tập trung ưu tiên cho các khu vực sản xuất nông nghiệp chuyên canh. + Chỉ tiêu đánh giá: Các lớp dữ liệu GIS chi tiết, chính xác liên quan đến đặc điểm hạ tầng kênh mương trong khu vực, bao gồm vị trí, kích thước, loại vật liệu và tình trạng kỹ thuật. Dữ liệu hình ảnh hiện tại về hệ thống kênh mương đã tích hợp trong hệ thống GIS nhằm hỗ trợ quá trình phân tích ra quyết định trong việc lập kế hoạch bảo trì hệ thống kênh mương. Giao diện nền tảng WebGIS trên cơ sở tích hợp bộ cơ sở dữ liệu về vị trí, kích thước, tình trạng và lịch sử bảo trì của hệ thống kênh mương. Các công cụ kỹ thuật số trên nền tảng WebGIS phục vụ công tác quản lý, lưu trữ, tra cứu, cập nhật và chia sẻ thông tin về hệ thống kênh mương tới người dùng. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ, các tài liệu liên quan. - Kết quả của đề tài phải chuyển giao được cho đơn vị có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh sử dụng, khai thác.	
10	Đánh giá sức chịu tải môi trường nước của	- <i>Mục tiêu chung:</i> Đánh giá được sức chịu tải môi trường các sông thuộc lưu vực Hoàng Long, tỉnh Ninh	- Bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng tài nguyên, môi trường nước các phụ lưu, phân lưu lưu vực sông Hoàng Long tỉnh Ninh Bình (các tiêu chí theo	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	lưu vực sông Hoàng Long phục vụ phát triển bền vững Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Tràng An, tỉnh Ninh Bình	Bình và đề xuất các giải pháp nhằm kiểm soát môi trường nước phục vụ phát triển bền vững khu Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Tràng An. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Đánh giá được hiện trạng tài nguyên môi trường nước các phụ lưu (sông Lạng, Sông Can Bàu...), phân lưu (sông Sào Khê, sông Vân, sông Vạc...) thuộc lưu vực sông Hoàng Long đối với từng thông số, gồm COD, BOD5, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho. + Xác định khả năng chịu tải ô nhiễm sông Hoàng Long đến năm 2030 và 2050 có xét đến Biến đổi khí hậu và quy hoạch phát triển KT-XH của vùng/tỉnh. + Đề xuất các giải pháp quản lý và bảo vệ nguồn nước sông Hoàng Long theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững khu Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Tràng An.	Thông tư 64/2025/TT-BNNMT) và các dữ liệu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội liên quan trên lưu vực. - Phân khu và xác định khả năng tiếp nhận chất thải và sức chịu tải của các phụ lưu, phân lưu thuộc lưu vực sông Hoàng Long tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Đề xuất giải pháp (chính sách quản lý, công nghệ, kỹ thuật...) giảm thiểu nguồn ô nhiễm vào các sông phù hợp với tiêu chí đảm bảo phát triển bền vững khu Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Tràng An. - Đề xuất sơ đồ mạng lưới trạm quan trắc tự động về thông tin tài nguyên môi trường nước Ninh Bình nhằm giám sát khả năng chịu tải và bảo vệ nguồn nước của sông Hoàng Long. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ, các tài liệu liên quan. - Kết quả của đề tài phải chuyển giao được cho đơn vị có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh sử dụng, khai thác.	
11	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực tế ảo trong việc phát triển thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng bàn tay cho	- <i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực tế ảo trong việc phát triển thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng bàn tay cho người bệnh - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Nghiên cứu chế tạo hệ thống hỗ trợ phục hồi chức năng bàn tay sử dụng công nghệ	- 01 Bản thiết kế chế tạo thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng. - 02 thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng bàn tay với các thông số kỹ thuật sử dụng công nghệ thực tế ảo. - 01 bản mô tả sử dụng phần mềm - 01 phần mềm với giao diện hỗ trợ hiển thị	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	người bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Ninh Bình	thực tế ảo. + Nghiên cứu tích hợp công nghệ thực tế ảo với hệ thống bàn tay, tạo ra môi trường thực tế ảo mô phỏng các bài tập phục hồi chức năng, hỗ trợ người dùng trong quá trình vận động bàn tay. + Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích và điều chỉnh bài tập phù hợp với người dùng. Thuật toán AI được sử dụng nhằm cá nhân hóa chương trình tập luyện, đồng thời phân tích dữ liệu chuyển động thu thập từ các cảm biến tích hợp trong quá trình luyện tập để quan sát – đánh giá sử dụng hệ thống. + Thực hiện một số thử nghiệm với người dùng tình nguyện tại các trung tâm, cơ sở có nhu cầu hỗ trợ phục hồi chức năng vận động bàn tay thuộc tỉnh Ninh Bình nhằm đánh giá tính khả thi và mức độ hỗ trợ của hệ thống trong quá trình luyện tập.	hướng dẫn trực quan và phản hồi thời gian thực. - 01 Báo cáo đánh giá chất lượng hoạt động hệ thống. - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ và các tài liệu liên quan. - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 Thạc sĩ; - 03 bài báo quốc tế. - Chuyển giao cho bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình 02 bộ thiết bị và 01 phần mềm hỗ trợ vận động bàn tay sử dụng công nghệ thực tế ảo giúp các cơ sở có nhu cầu trên địa bàn tỉnh tiếp cận và trải nghiệm công nghệ mới trong lĩnh vực hỗ trợ phục hồi chức năng vận động, đồng thời tham gia vào quá trình thử nghiệm và cung cấp thông tin phục vụ nghiên cứu, làm cơ sở khoa học cho định hướng ứng dụng và phát triển công nghệ của tỉnh trong thời gian tới. - Phối hợp nghiên cứu và phát triển thiết bị này với 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tỉnh Ninh Bình.	
12	Nghiên cứu và phát triển ứng dụng di động thông minh dựa trên trí tuệ nhân tạo cung cấp thông tin thời tiết và gợi ý du lịch cho du	- <i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng và phát triển ứng dụng di động thông minh dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm cung cấp thông tin thời tiết theo thời gian thực và gợi ý hành trình, điểm đến du lịch phù hợp cho du khách khi đến Ninh Bình, góp phần phát triển du lịch thông minh, nâng cao trải nghiệm du khách và hỗ trợ công tác quản lý, quảng bá du lịch của	- Cơ sở dữ liệu thời tiết – du lịch đặc thù phục vụ du lịch Ninh Bình; - Hệ thống dự báo – cảnh báo thời tiết chi tiết trước 10 ngày chi tiết cho từng điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, có khả năng cập nhật theo giờ, đặc biệt là có khả năng cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết bất lợi với khách du lịch. Các yếu tố được dự báo-cảnh báo gồm mưa lớn, nắng nóng, sương mù, gió mạnh với độ chính xác trên	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	khách tại Ninh Bình	tỉnh. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Phân tích, thu thập và tích hợp các nguồn dữ liệu liên quan gồm dữ liệu khí tượng – thủy văn, dữ liệu du lịch, bản đồ không gian và hành vi người dùng, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ phục vụ hệ thống gợi ý và dự báo du lịch thông minh. + Xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo thời tiết chi tiết theo thời gian thực cho một số địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, kết hợp thông tin từ các mô hình dự báo khí tượng và dữ liệu cộng đồng (crowdsourcing). + Phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng phân tích điều kiện thời tiết để đưa ra gợi ý điểm đến và lịch trình du lịch tối ưu cho người dùng. + Thiết kế và phát triển ứng dụng di động thông minh, thân thiện, tích hợp dữ liệu thời tiết, bản đồ tương tác và các mô hình AI, nhằm cung cấp thông tin, gợi ý và cảnh báo hữu ích, hỗ trợ du khách trải nghiệm du lịch an toàn và thuận tiện tại Ninh Bình	60%. - Mô-đun trí tuệ nhân tạo xây dựng lịch trình và điểm tham quan du lịch thích ứng với điều kiện thời tiết; - Mô-đun giới thiệu chi tiết về lịch sử, văn hóa, tính độc đáo và hướng dẫn người dùng thăm quan các điểm du lịch; - Ứng dụng di động thông minh tích hợp dữ liệu thời tiết, thông tin du lịch, bản đồ du lịch – thời tiết thông minh tích hợp trên nền tảng GIS và mô hình AI gợi ý lịch trình, với giao diện thân thiện, đa ngôn ngữ (Việt – Anh), phục vụ du khách và cơ quan quản lý. Phối hợp với đơn vị địa phương để ứng dụng, nhân rộng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Ít nhất 01 bài báo khoa học trong nước có phản biện, hoặc 01 báo cáo tại hội nghị khoa học chuyên ngành. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ và các tài liệu liên quan. - Kết quả đề tài được chuyển giao cho đơn vị trên địa bàn tỉnh để ứng dụng nhân rộng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.	
13	Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của	- <i>Mục tiêu chung</i> Nghiên cứu và xây dựng “Sổ tay hướng dẫn tạo Trợ lý ảo AI” dựa trên việc tùy chỉnh các nền tảng AI (ChatGPT, Gemini,	- Báo cáo tổng quan khoa học về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý hành chính công và cơ quan dân cử. - Báo cáo phân tích khả năng tùy chỉnh và huấn	Dự án Khoa học và Công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	Hội đồng nhân dân các cấp	NotebookLM,...) và kết nối dữ liệu theo hướng bán tự động. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> + Nghiên cứu nền tảng và khả năng tùy chỉnh: Đánh giá các tính năng tạo Trợ lý ảo/Custom Bot (Custom GPT, Gemini Personalization, NotebookLM, RAG framework) để xác định phương pháp tối ưu cho cán bộ HĐND. Phân tích yêu cầu dữ liệu (văn bản pháp luật, nghị quyết, báo cáo,...) và đề xuất cấu trúc dữ liệu chuẩn, phục vụ việc kết nối bán tự động, huấn luyện và tạo ngữ cảnh cho Trợ lý ảo đối với từng nhiệm vụ. + Phân tích nghiệp vụ và xây dựng bộ Prompts cốt lõi (Core Prompts): Phân tích chi tiết các công việc và quy trình thực hiện của cán bộ, công chức HĐND trong các lĩnh vực: soạn thảo văn bản, thẩm tra - giám sát, xử lý kiến nghị cử tri, tổ chức kỳ họp, góp ý, phản biện, tổng hợp, thống kê, tuyên truyền phổ biến các nghị quyết... Xây dựng bộ khung Prompts chuẩn hóa cho từng nhiệm vụ, gồm: xác định vai trò AI (Role), mục tiêu (Goal), ngữ cảnh (Context) và định dạng đầu ra (Output Format).	huấn người dùng cuối của các nền tảng AI (ChatGPT, Gemini, NotebookLM), gồm bảng so sánh tính năng, cơ chế bảo mật, hạn chế, khả năng kết nối dữ liệu. - Bộ Prompt mẫu, chia theo nhóm nhiệm vụ: Soạn thảo văn bản, tờ trình, báo cáo, nghị quyết; Thẩm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo; Tiếp xúc cử tri, xử lý kiến nghị, biên bản kỳ họp; Thống kê, tra cứu, tuyên truyền, góp ý văn bản... Mỗi Prompt được thiết kế kèm hướng dẫn cách tùy chỉnh cho phù hợp với thực tế từng đơn vị HĐND. - Sổ tay hướng dẫn “Tạo Trợ lý ảo AI cho HĐND” (Là sản phẩm trung tâm của đề tài), cấu trúc gồm 3 phần: + Kiến thức nền tảng về AI, LLM và ứng dụng trong công vụ; + Quy trình kỹ thuật tạo - tùy chỉnh - kết nối Trợ lý ảo; + Bộ Prompts và kịch bản ứng dụng nghiệp vụ cụ thể - Báo cáo rõ sản phẩm ứng dụng trong hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ và các tài liệu liên quan.	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		+ Xây dựng Sổ tay hướng dẫn tạo Trợ lý ảo AI: Thiết kế và biên soạn Sổ tay với 3 nội dung chính: (1) Kiến thức nền tảng về AI, LLM và ứng dụng trong công vụ; (2) Hướng dẫn kỹ thuật tạo Trợ lý ảo AI: Quy trình tùy chỉnh các Chatbot AI hiện có và kết nối dữ liệu bán tự động. (3) Bộ công thức Prompts ứng dụng: Prompts mẫu tối ưu theo từng nhiệm vụ nghiệp vụ, kèm kịch bản sử dụng và mẹo tạo Prompt hiệu quả. Thí điểm các Trợ lý ảo AI tạo ra theo Sổ tay với dữ liệu thực tế tại một đơn vị HĐND để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả. + Đề xuất quy trình và điều kiện triển khai Sổ tay: Xây dựng quy trình chuyển giao Sổ tay và bồi dưỡng kỹ năng Prompting, tạo Trợ lý ảo AI cho cán bộ HĐND. Đề xuất điều kiện cần thiết về hạ tầng, quản trị dữ liệu và an toàn thông tin để triển khai rộng rãi, đảm bảo hiệu quả bền vững và tuân thủ quy định hiện hành		
14	Bảo tồn và phát triển loài Cỏ Ngạn (<i>Scirpus</i>	<i>Mục tiêu chung:</i> Bảo tồn và phát triển bền vững loài Cỏ Ngạn tại khu vực VQG Xuân Thủy	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái học và sinh cảnh sống của loài; - Báo cáo kết quả nghiên cứu phân bố, diện tích,	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	<i>kimsonensis</i>) nhằm duy trì tính đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Xuân Thủy	- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Đánh giá hiện trạng phân bố và xu thế biến động của loài Cỏ Ngạn tại VQG Xuân Thủy. + Xác định được các đặc điểm sinh thái chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển của loài. + Nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng phương pháp nhân giống phù hợp để thử nghiệm xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển loài Cỏ Ngạn gắn với điều kiện sinh thái đặc thù của VQG Xuân Thủy, làm cơ sở cho việc nhân rộng.	mật độ xu thế suy giảm và các mối đe dọa chính của loài tại VQG Xuân Thủy; - Bản đồ bản đồ hiện trạng thảm thực vật và bản đồ phân bố của loài tại VQG Xuân Thủy; - Kết quả nghiên cứu một số phương pháp nhân giống (nhân giống vô tính: tách nhánh thân ngầm; Nhân giống hữu tính: gieo hạt; Thử nghiệm nuôi cấy mô (in vitro)... - Vườn cây đầu dòng phục vụ bảo tồn nhân giống quy mô - Mô hình bảo tồn và phát triển loài (vườn cây đầu dòng, vườn ươm nhân giống) quy mô 0,5-01ha. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan.	
15	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và canh tác giống dưa MD2 nuôi cấy mô tại tỉnh Ninh Bình	<i>Mục tiêu chung:</i> Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và canh tác giống dưa MD2 nuôi cấy mô tại tỉnh Ninh Bình. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Xây dựng và đánh giá vườn giống gốc giống dưa MD2 quy mô 1 ha tại tỉnh Ninh Bình. + Hoàn thiện quy trình cải tiến nhân nhanh giống dưa MD2 bằng phương pháp nuôi cấy mô. + Ứng dụng quy trình nuôi cấy mô để sản xuất 200.000 cây dưa MD2 nuôi cấy mô. + Xây dựng mô hình canh tác giống dưa MD2 nuôi cấy mô tại tỉnh Ninh Bình với	- Quy trình cải tiến nhân nhanh giống dưa MD2 bằng phương pháp nuôi cấy mô. - Vườn giống gốc giống dưa MD2 đã được đánh giá về kiểu hình và kiểu gen có diện tích 1,0 ha. Vườn giống gốc là nguồn vật liệu di truyền để cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp và các đơn vị chuyên môn khai thác trong các nghiên cứu tiếp theo. - Mô hình canh tác giống dưa MD2 có tổng diện tích 3,0 ha tại tỉnh Ninh Bình. - Đề xuất giải pháp sau thu hoạch với giống dưa MD2 cho tỉnh Ninh Bình. - Đào tạo tập huấn 3 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		quy mô 3,0 ha. + Đề xuất giải pháp sau thu hoạch đối với giống dưa MD2 tại tỉnh Ninh Bình	liên quan. - Phải có đơn vị/doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp nhận chuyển giao kết quả của đề tài để ứng dụng vào sản xuất và canh tác giống dưa MD2 trên địa bàn tỉnh.	
16	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và canh tác cây Hoàng Thanh (<i>Zingiber mekonggense</i> Gagnep) phục vụ phát triển dược liệu và sản phẩm OCOP tại xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình	<i>Mục tiêu chung:</i> Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống và canh tác cây Hoàng Thanh phù hợp điều kiện sinh thái xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình, tạo cơ sở phát triển sản xuất hàng hóa và thương mại hóa sản phẩm. <i>- Mục tiêu cụ thể:</i> + Đánh giá khả năng thích nghi của cây Hoàng Thanh tại một số vùng sinh thái điển hình của tỉnh Ninh Bình. + Xây dựng quy trình nhân giống sạch bệnh, hệ số nhân cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất. + Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, phòng trừ bệnh theo hướng an toàn. + Xây dựng mô hình sản xuất liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm.	- Xác định được khả năng thích nghi của cây Hoàng Thanh tại 3 tiểu vùng sinh thái điển hình của tỉnh Ninh Bình. - 200m ² vườn lưu giữ bộ mẫu giống cây Hoàng Thanh phục vụ Bảo tồn nguồn gen tại Ngân hàng gen cây trồng Quốc gia. - 01 quy trình nhân giống sạch bệnh theo triệu chứng hình thái và tỷ lệ cây nhiễm bệnh, hệ số nhân $\geq 1:5$ /vụ. - 01 Quy trình canh tác Hoàng Thanh phù hợp điều kiện xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình theo hướng GACP - WHO, năng suất củ $\geq 20-25\%$ so với sản xuất đại trà. - 01 mô hình sản xuất liên kết tiêu thụ sản phẩm quy mô 03 ha (Hợp đồng nguyên tắc/biên bản ghi nhớ liên kết tiêu thụ sản phẩm Hoàng Thanh tại Ninh Bình). - 01 Quy chế quản lý sản xuất về việc liên kết tiêu thụ sản phẩm Hoàng Thanh tại Hải Hậu, Ninh Bình - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan. - Phải có đơn vị/doanh nghiệp/Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tiếp nhận chuyển giao kết quả của đề tài	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
17	Dự án ứng dụng công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến sâu củ nghệ đỏ (<i>Curcuma longa</i>) nhằm nâng cao chuỗi giá trị của thương hiệu nghệ đỏ trên địa bàn Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung</i>: Xây dựng mô hình trồng và chế biến sâu củ nghệ đỏ (<i>Curcuma longa</i>) nhằm nâng cao chuỗi giá trị của thương hiệu nghệ đỏ trên địa bàn Ninh Bình. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> + Xây dựng và hoàn thiện quy trình trồng nghệ đỏ theo định hướng kinh tế tuần hoàn, trong đó tái sử dụng bã nghệ để sản xuất phân bón hữu cơ và phụ phẩm nghệ để bào chế chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật, đồng thời tích hợp hệ thống mạng lưới cảm biến không dây (WSN) nhằm quản lý và tự động hóa quá trình tưới nước và bón phân trong canh tác nghệ đỏ. + Xây dựng và hoàn thiện quy trình chế biến sâu nghệ đỏ thành sản phẩm nano curcumin đáp ứng yêu cầu trong công nghiệp thực phẩm.	để canh tác cây Hoàng Thanh trên địa bàn tỉnh. - 01 quy trình trồng nghệ đỏ theo định hướng kinh tế tuần hoàn, tích hợp sử dụng phân bón hữu cơ và chế phẩm sinh học từ phụ phẩm nghệ, đạt năng suất củ trung bình khoảng 35 – 40 tấn/ha/vụ, với hàm lượng curcumin trong củ nghệ đạt khoảng 1,2 – 1,5% theo khối lượng - 02 mô hình trồng nghệ đỏ quy mô 1,0 – 1,5 ha/mô hình, có ứng dụng mạng lưới cảm biến không dây (WSN) để giám sát độ ẩm đất, tích hợp hệ thống tưới nước, bón phân tự động và nhắc lịch canh tác thông minh. - 01 quy trình chiết xuất và tinh chế curcumin từ bột nghệ đỏ, quy mô đầu vào 80 – 100 kg bột nghệ đỏ/mẻ, tạo sản phẩm curcumin có hàm lượng $\geq 90\%$ - 50 kg curcumin dạng bột. - 01 quy trình nano hóa curcumin từ nghệ quy mô 200L/mẻ, đáp ứng yêu cầu TCVN 11296:2015 - 10 kg nano curcumin dạng bột - 01 hệ thống chiết tách và tinh chế curcumin từ củ nghệ đỏ đáp ứng quy mô và yêu cầu kỹ thuật của quy trình chiết xuất – tinh chế curcumin đã xây dựng trong dự án. - 01 hệ thống sản xuất dung dịch nano curcumin đáp ứng quy mô và yêu cầu kỹ thuật của quy trình nano hóa curcumin đã xây dựng - 01 bộ tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm nano curcumin từ nghệ đỏ Yên Sơn đáp ứng theo Nghị định số	Dự án khoa học và công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ. - 01 bộ hồ sơ đăng ký sản phẩm OCOP đáp ứng quy định của Quyết định số 1048/QĐ-TTg, ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan. - Phải có đơn vị/doanh nghiệp/Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tiếp nhận chuyển giao kết quả của dự án để sản xuất và chế biến sâu củ nghệ đỏ trên địa bàn tỉnh.	
18	Điều tra, nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số cây thuốc bản địa có giá trị tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	- <i>Mục tiêu chung</i>: Bảo tồn và phát triển được một số loài cây thuốc bản địa có giá trị dược liệu cao, góp phần nâng cao giá trị, phát triển bền vững, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, gắn với giá trị bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> + Điều tra, nghiên cứu một số cây thuốc bản địa có giá trị tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long + Tập hợp được vườn giống cây bố mẹ 04 loài cây thuốc quý hiếm để bảo tồn nguồn giống tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. + Xây dựng thành công mô hình nhân giống 4 loại dược liệu (Quy mô: 0.1ha/loài). + Xây dựng thành công mô hình trồng,	- Điều tra, thu thập các loài cây thuốc bản địa có giá trị tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long và khu vực lân cận. - Đánh giá đặc điểm nông học và giám định tên khoa học danh mục các cây thuốc bản địa tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. - Vườn giống bố mẹ với mục đích bảo tồn nguồn gen một số cây thuốc bản địa có giá trị đã được định danh tên khoa học tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. - Bản hướng dẫn kỹ thuật nhân giống ít nhất 4 loài cây thuốc có giá trị. - Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng ít nhất 4 loài cây thuốc có giá trị. - Đề xuất biện pháp kỹ thuật bảo tồn và phát triển bền vững một số cây thuốc bản địa có giá trị tại Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. - Mô hình vườn giống bố mẹ quy mô 500m²/loài x 4 loài.	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		chăm sóc, thu hái, sơ chế và bảo quản 4 loại dược liệu với năng suất 1,5 tấn/ha. + Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế và bảo quản 04 loại cây thuốc phù hợp với điều kiện Khu bảo tồn thiên nhiên đất Vân Long, tỉnh Ninh Bình.	- Mô hình nhân giống quy mô 500m²/loài x 4 loài x 2 vụ/loài. - Mô hình trồng quy mô 5.000 m²/ loài x 4 loài x 2 vụ/loài. - Đánh giá kết quả mô hình trồng, đưa ra được hiệu quả của 4 loài. Đề xuất hướng phát triển tiêu thụ sản phẩm. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan.	
19	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đất nông nghiệp phục vụ sử dụng hiệu quả cho một số cây trồng chủ lực tại tỉnh Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung</i> Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển bền vững cho một số cây trồng chủ lực của tỉnh Ninh Bình. Hệ thống được thiết kế theo hướng số hóa thông minh, tích hợp và phân tích dữ liệu đất đai để đánh giá đặc tính đất và xác định chính xác vùng phù hợp dinh dưỡng cho cây trồng. Nghiên cứu góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị nông sản, hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thúc đẩy chuyển đổi số, thu hút đầu tư và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo định hướng kinh tế nông nghiệp tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Khái quát về tình hình quản lý và sử	- Báo cáo chi tiết về tình hình quản lý, sử dụng đất và thực trạng canh tác đối với hệ thống cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Bản đồ phân vùng sản xuất của một số cây trồng chủ lực tại tỉnh Ninh Bình. Theo Thông tư 08/2024/TT- BTNMT, và Thông tư 17/2019/TT-BNNPTNT (nay là Bộ NNMT) - Bộ cơ sở dữ liệu chất lượng đất, độ phì nhiêu đất cho một số cây trồng chủ lực: Dữ liệu không gian (bản đồ chất lượng đất, bản đồ độ phì, bản đồ phân hạng thích nghi cây trồng chủ lực) và các dữ liệu thuộc tính kèm theo tuân theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Bộ cơ sở dữ liệu về một số cây trồng chủ lực của tỉnh Ninh Bình tổng hợp đầy đủ thông tin về tên cây, vị trí phân bố, quy mô diện tích, năng suất, sản lượng, nguồn gốc giống và giá trị kinh tế, đồng thời được tích hợp với WebGIS nhằm trực quan hóa dữ liệu, phục vụ quản lý hiệu quả và	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		dụng đất đối với hệ thống cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh. + Xây dựng cơ sở dữ liệu chất lượng đất nông nghiệp cho một số cây trồng chủ lực + Sử dụng các thuật toán AI (machine learning), các phần mềm chuyên dụng để phân tích dữ liệu về chất lượng đất nông nghiệp và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất cây trồng chủ lực + Phát triển hệ thống trực tuyến trên cơ sở ứng dụng công nghệ WebGIS để quản lý và theo dõi chất lượng đất nông nghiệp cho cây trồng chủ lực + Xây dựng mô hình chỉ dẫn thông tin địa lý kết hợp quảng bá sản phẩm cây trồng chủ lực.	phát triển nông nghiệp bền vững. Theo Quy định tại Thông tư số 18/2019/TT-BNNPTNT; Thông tư 17/2019/TT-BNNPTNT (nay là Bộ NNMT) - Phần mềm WebGIS quản lý trực tuyến dạng website phục vụ quản lý, cập nhật và khai thác dữ liệu chất lượng đất; quản lý thông tin cho một số cây trồng chủ lực, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm. Hệ thống cung cấp chức năng tra cứu theo bản đồ (theo thửa/vùng), tìm kiếm – lọc – thống kê – báo cáo, hỗ trợ tổng hợp thông tin, giám sát biến động và ra quyết định cho lãnh đạo/cơ quan quản lý; đồng thời cung cấp giao diện tra cứu thân thiện cho người nông dân để tiếp cận thông tin đất đai, cây trồng và khuyến nghị kỹ thuật theo khu vực. Tích hợp trải nghiệm thực tế ảo VR360 phục vụ truyền thông/quảng bá, với ≥ 05 địa điểm quay, độ phân giải 8K, có kịch bản trải nghiệm ảo. Thực hiện theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020. - Mô hình AI (machine learning) với độ chính xác cao phục vụ phân tích dữ liệu về chất lượng đất và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất cây trồng chủ lực, hỗ trợ quá trình ra quyết định cho các đơn vị quản lý. Theo Quyết định 2259/QĐ-BTTTT ngày 07/12/2022 về Chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan. - Kết quả của đề tài được chuyển giao cho đơn vị	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh sử dụng, khai thác.	
20	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng phòng trừ bệnh mốc sương cây khoai tây do nấm <i>Phytophthora infestans</i> gây ra cho một số vùng sản xuất khoai tây tại tỉnh Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung</i>: Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng (<i>Chaetomium globosum</i>, <i>Trichoderma asperellum</i>) phòng trừ bệnh mốc sương cây khoai tây do nấm <i>Phytophthora infestans</i> gây ra cho một số vùng sản xuất khoai tây, góp phần vào nền sản xuất nông nghiệp sạch và bảo vệ môi trường sinh thái tại tỉnh Ninh Bình. - <i>Mục tiêu cụ thể</i>: + Xây dựng quy trình kỹ thuật bổ sung sinh khối các chủng vi sinh vật đối kháng (<i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i>) vào thuốc sinh học Ketomium dạng bột thấm nước được công nhận quy trình cấp cơ sở. + Thử nghiệm đánh giá hiệu lực phòng trừ bệnh mốc sương cây khoai tây của thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng (<i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i>). 0 + Xây dựng mô hình thử nghiệm hoàn thiện quy trình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng phòng trừ bệnh mốc sương cây khoai tây.	- 01 Hướng dẫn kỹ thuật bổ sung sinh khối các chủng vi sinh vật đối kháng (<i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i>) vào thuốc sinh học Ketomium dạng bột thấm nước được công nhận quy trình cấp cơ sở: + Mật độ vi sinh vật có ích $\geq 1 \times 10^8$ CFU/g; + Quy mô 500 kg/m²; + Thời gian bảo quản: ≥ 6 tháng. - 2.000 kg dạng bột thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng (<i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i>): + Mật độ nấm đối kháng theo đăng ký <i>Chaetomium cupreum</i> $1,5 \times 10^6$ CFU/g. + Thời gian bảo quản: ≥ 6 tháng; + Hiệu quả phòng trừ bệnh: $\geq 70\%$. - 01 báo cáo kết quả thử nghiệm đánh giá hiệu lực phòng trừ bệnh mốc sương cây khoai tây của thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng (<i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i>). Đánh giá được hiệu lực của chế phẩm sinh học ở điều kiện chậu vại trong nhà lưới: + Quy mô: 100 chậu/loại cây trồng; + Hiệu quả phòng trừ bệnh: $\geq 70\%$ so với đối chứng không sử dụng. - 03 mô hình thử nghiệm hoàn thiện quy trình sử	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		+ Chuyển giao quy trình, kỹ thuật sản xuất chế phẩm sinh học từ nấm đối kháng <i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i> bổ sung vào thuốc bảo vệ thực vật Ketomium dạng bột cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phục vụ phát triển sản xuất.	dùng thuốc bảo vệ thực vật sinh học Ketomium có bổ sung vi sinh vật đối kháng phòng trừ bệnh mốc sương cây khoai tây. Xây dựng được 03 mô hình thử nghiệm: + Quy mô 01 ha/mô hình. + Hiệu lực phòng trừ: $\geq 70\%$; + Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với đối chứng không sử dụng. - 02 lớp tập huấn kỹ thuật: 50 lượt người/01 lớp. Chuyển giao quy trình, kỹ thuật sản xuất chế phẩm sinh học từ nấm đối kháng <i>Chaetomium globosum</i> và <i>Trichoderma asperellum</i> bổ sung vào thuốc bảo vệ thực vật Ketomium dạng bột cho 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình phục vụ phát triển sản xuất. - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt, tài liệu liên quan khác.	
21	Xây dựng mô hình nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị kết hợp sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái tại tỉnh Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung</i> : Xây dựng mô hình nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị kết hợp sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái tại tỉnh Ninh Bình. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> : + Phân tích và làm rõ được bối cảnh, điều kiện và tiềm năng phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị kết hợp sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái tại tỉnh Ninh Bình trên các phương diện sinh thái, kinh tế – xã hội và môi trường.	- Báo cáo đánh giá tiềm năng và định hướng phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị kết hợp sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái tại Ninh Bình. - Xây dựng được ba mô hình thí điểm nông nghiệp tuần hoàn gắn với du lịch sinh thái (mỗi mô hình có diện tích tối thiểu 200m ²): 01 mô hình xử lý phụ phẩm trồng rau hữu cơ làm compost tại khu vực Duy Tiên (Hà Nam cũ); 01 mô hình xử lý phụ phẩm canh tác lúa làm compost và biochar tại khu vực Tam Cốc – Bích Động (Ninh Bình); 01 mô hình xử lý phụ phẩm nhò hạ đen làm biochar	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		+ Xác định được các yếu tố nền tảng cần thiết để xây dựng các mô hình, bao gồm: loại hình sản xuất phù hợp, đặc điểm và dòng phụ phẩm nông nghiệp, điều kiện hạ tầng – xã hội – du lịch và hành vi của cộng đồng địa phương. + Đánh giá và làm rõ được mức độ đóng góp của các mô hình vào giảm phát thải khí nhà kính và tăng lưu trữ các-bon trong đất thông qua hoạt động canh tác và xử lý, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp. + Thí điểm và đánh giá được hiệu quả tổng hợp của các mô hình (kỹ thuật – kinh tế – môi trường – xã hội), từ đó làm rõ được các điều kiện cần thiết để vận hành ổn định và bền vững tại địa phương. + Đề xuất được các định hướng chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện và phương án nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Ninh Bình.	tại khu vực Nghĩa Hưng (Nam Định cũ). - Tính toán lượng lưu trữ các-bon trong đất, giảm phát thải khí nhà kính của các mô hình xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo hướng dẫn của IPCC hoặc các công bố liên quan. - Đánh giá hiệu quả tổng hợp của các mô hình. - Đề xuất chính sách và khả năng nhân rộng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị kết hợp sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức 03 lớp tập huấn chuyển giao kết quả các mô hình. - Công bố 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí/kỹ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành (trong danh mục được của hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước). - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt, tài liệu liên quan khác.	
22	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống và nuôi thương phẩm Ếch Thái Lan (<i>Rana rugulosa</i>) trong giai kết	- <i>Mục tiêu chung</i>: Xây dựng mô hình nhân giống và nuôi thương phẩm Ếch Thái Lan (<i>Rana rugulosa</i>) trong giai kết hợp với nuôi cá Chép lai V1 (<i>Cyprinus carpio</i>) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình - <i>Mục tiêu cụ thể</i>: + Chuyển giao và tiếp nhận thành công quy trình công nghệ nuôi thương phẩm Ếch Thái Lan trong giai kết hợp nuôi cá	- Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm Ếch Thái Lan trong giai kết hợp nuôi cá Chép lai V1 trong ao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình - Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm Ếch Thái Lan trong giai kết hợp nuôi cá Chép lai V1 trong ao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, quy mô 2,5 ha, năng suất đạt 15 tấn Ếch Thái Lan/ha/vụ, 11,2 tấn cá Chép lai V1/ha/vụ. - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật nuôi thương	Dự án khoa học và công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
	hợp với nuôi cá Chép lai V1 (<i>Cyprinus carpio</i>) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Chép lai V1 trong ao. + Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩmẾch Thái Lan trong giai kết hợp nuôi cá Chép lai V1 trong ao năng suất đạt 15 tấnẾch Thái Lan/ha/vụ, 11,2 tấn cá Chép lai V1/ha/vụ. + Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩmẾch Thái Lan trong giai kết hợp nuôi cá Chép lai V1 trong ao phù hợp với điều kiện sinh thái trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	phẩmẾch Thái Lan trong giai kết hợp nuôi cá Chép lai V1 trong ao phù hợp với điều kiện nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan.	
23	Nghiên cứu sử dụng chiết xuất từ cây Tràm trà (<i>Melaleuca alternifolia</i>) thay thế kháng sinh trong phòng và điều trị bệnh tiêu chảy do vi khuẩn E. coli gây ra trên gà tại Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung</i> : Nghiên cứu sử dụng chiết xuất từ cây Tràm trà (<i>Melaleuca alternifolia</i>) thay thế kháng sinh trong phòng và điều trị bệnh tiêu chảy do vi khuẩn E. coli gây ra trên gà tại Ninh Bình. - <i>Mục tiêu cụ thể</i> : + Đánh giá khả năng thay thế kháng sinh của hoạt chất chiết xuất từ cây tràm trà trong phòng bệnh E. coli trên gà tại Ninh Bình. + Phân lập một số chủng vi khuẩn E.coli gây tiêu chảy trên gà nuôi tại Ninh Bình. + Chọn lựa hoạt chất chiết xuất từ cây tràm trà, tinh sạch. Sản xuất chế phẩm dạng viên cốm.	- Dữ liệu về tình hình chăn nuôi và sử dụng kháng sinh trong phòng và trị tiêu chảy tại một số trại chăn nuôi gà, lợn tại Ninh Bình. - Kết quả phân lập các chủng vi khuẩn E. coli gây tiêu chảy trên gà. - Kết quả tinh sạch của các hoạt chất. Chế sản phẩm dạng hạt cốm. - Kết quả về khả năng ức chế vi khuẩn của sản phẩm nhau (thử trên lô gà thí nghiệm và tại phòng thí nghiệm). - Kết quả hạn chế mùi Tràm trà đối với chế phẩm - Quy trình tách chiết thảo dược được chuẩn hóa: ít nhất 2 loại thảo dược chính. - 01 quy trình sản xuất thử nghiệm và 01 tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) cho chế phẩm premix thảo dược trộn cám. - 01 chế phẩm premix thảo dược trộn cám (công thức tối ưu, kiểm soát chất lượng (QC), ổn định $\geq$	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			6–12 tháng): 100kg - 02 mô hình thử nghiệm sử dụng chế phẩm trên gà thịt và gà đẻ trứng: 300 con/ mô hình, giảm tỷ lệ mắc bệnh tiêu chảy > 10%. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các tài liệu liên quan. - Phải có đơn vị/Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp ứng dụng kết quả sản xuất thử nghiệm chế phẩm.	
24	Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp can thiệp nâng cao năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	- <i>Mục tiêu chung:</i> Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp can thiệp nâng cao năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Kết quả hoạt động quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. + Xác định một số yếu tố liên quan tới kết quả hoạt động quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. + Thực hiện một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	- Nội dung nghiên cứu thứ nhất: Bộ công cụ đo lường để đánh giá đúng năng lực của đội ngũ điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đo lường, đánh giá theo bộ công cụ đã được xây dựng trên toàn bộ đối tượng nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu thứ hai: Hệ thống các giải pháp để hỗ trợ, nâng cao năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Nội dung nghiên cứu thứ ba: Báo cáo kết quả nghiên cứu, triển khai áp dụng một số mô hình; Xây dựng được kế hoạch đào tạo bài bản cho điều dưỡng trưởng phù hợp với từng giai đoạn công tác, nhiệm vụ được giao. * <i>Nghiên cứu đảm bảo các yêu cầu về tính mới, tính khoa học và tính thực tiễn như sau:</i> + Việc thể hiện tính mới thông qua việc tập trung làm rõ năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng - chủ thể trong nghiên cứu, là đối tượng quản lý	Đề tài khoa học xã hội và nhân văn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			trực tiếp, giữ vai trò quan trọng trong tổ chức và điều hành công tác chăm sóc người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Nội dung nghiên cứu không lặp lại các đánh giá chung về đội ngũ điều dưỡng mà đi sâu phân tích năng lực quản lý theo các nhóm năng lực cốt lõi, gắn với bối cảnh đổi mới quản lý y tế và đặc thù thực tiễn của tỉnh Ninh Bình. Các giải pháp đề xuất phải có cách tiếp cận phù hợp với điều kiện hiện có. + Việc thể hiện tính khoa học và thực tiễn: Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý điều dưỡng và vai trò của điều dưỡng trưởng trong hệ thống khám, chữa bệnh. Việc đánh giá thực trạng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp, số liệu có độ tin cậy, từ đó phân tích rõ nguyên nhân của những hạn chế trong năng lực quản lý. Kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ sự cần thiết và tính cấp bách của việc can thiệp nâng cao năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng trong giai đoạn hiện nay. + Các giải pháp can thiệp được đề xuất bảo đảm tính kịp thời, khả thi và hiệu quả, xuất phát trực tiếp từ kết quả nghiên cứu thực trạng. Giải pháp đưa ra phù hợp với nguồn lực, cơ chế quản lý và điều kiện tổ chức của các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; đồng thời có khả năng triển khai trong thực tế quản lý, không chỉ mang tính định hướng lý thuyết mà còn áp dụng sâu rộng đến công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe	

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
			tại các cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng y tế tại các đơn vị, là một phần lớn trong thực hiện nhiệm vụ của Ngành Y tế. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các tài liệu liên quan.	
25	Nghiên cứu nâng cấp bộ tiêu chuẩn của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương và đánh giá an toàn và hiệu quả của sản phẩm trong điều trị bệnh lý mạch máu não	- <i>Mục tiêu chung:</i> + Chuẩn hóa nguồn nguyên liệu đầu vào theo tiêu chuẩn GACP và GMP + Nâng cao tiêu chuẩn nguyên liệu và thành phẩm theo dược điển Việt Nam IV cho sản phẩm Tuần Hoàn Não Thái Dương + Đánh giá tính hiệu quả sản phẩm thuốc Tuần Hoàn Não Thái Dương trong điều trị bệnh lý mạch máu não. - <i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương + Đánh giá tác dụng dược lý trên mô hình bệnh lý mạch máu não của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương + Đánh giá tác dụng dược lý trên mô hình chống huyết khối của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương + Đánh giá hiệu quả trên lâm sàng của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương trong trên tối thiểu 60 trong điều trị bệnh lý mạch máu não và công bố kết quả về dữ liệu an toàn và hiệu quả của sản phẩm trên	- Bộ tiêu chuẩn cơ sở nâng cấp cập nhật theo dược điển Việt Nam IV của nguyên liệu và thành phẩm cho sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương. - Giấy chứng nhận GACP cho nguyên liệu Đinh lăng. - Báo cáo đánh giá độc tính cấp và bán trường diễn của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương - Báo cáo đánh giá tác dụng dược lý trên mô hình bệnh lý mạch máu não của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương - Báo cáo đánh giá tác dụng dược lý trên mô hình chống huyết khối của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương - Báo cáo đánh giá hiệu quả trên lâm sàng của sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương trong phác đồ phối hợp điều trị trên tối thiểu 60 bệnh nhân thoái hóa và viêm khớp được nghiệm thu qua hội đồng khoa học cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. - 01 bài báo trong nước cho nghiên cứu sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương - 01 bài báo trên các tạp chí quốc tế thuộc hệ thống ISI/ Scopus cho nghiên cứu sản phẩm Tuần hoàn não Thái Dương. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các tài liệu	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Loại hình nhiệm vụ (đề tài/ dự án KH&CN/ dự án SXTN)
1	2	3	4	5
		các tạp chí quốc tế thuộc hệ thống ISI/ Scopus + Nghiên cứu xây dựng nguồn nguyên liệu đầu vào Đình lăng theo GACP	liên quan.	
26	Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng nền tảng số trong chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư tại tỉnh Ninh Bình	<i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng, triển khai và đánh giá hiệu quả mô hình ứng dụng nền tảng số trong chăm sóc giảm nhẹ toàn diện đối với chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư tại tỉnh Ninh Bình. <i>- Mục tiêu cụ thể:</i> + Mô tả thực trạng chất lượng cuộc sống và nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh ung thư tại tỉnh Ninh Bình. + Xây dựng mô hình chăm sóc giảm nhẹ tích hợp giữa bệnh viện và cộng đồng, có ứng dụng công nghệ, hỗ trợ theo dõi và tư vấn sức khỏe. + Đánh giá hiệu quả của mô hình chăm sóc giảm nhẹ đối với chất lượng cuộc sống, mức độ kiểm soát triệu chứng, tình trạng tâm lý và sự hài lòng của người bệnh ung thư.	- 01 Báo cáo: Thực trạng chất lượng cuộc sống và nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh ung thư tại tỉnh Ninh Bình. - 01 Báo cáo: Mô hình chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư tại tỉnh Ninh Bình và bộ tài liệu hướng dẫn kèm quy trình triển khai. - 01 Báo cáo: Kết quả thí điểm và hiệu quả của mô hình chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư tại tỉnh Ninh Bình. - Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. - Đào tạo 02 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ. - 1 nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu đề tài. - 3 bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước hoặc quốc tế thuộc Danh mục các tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước. - 01 bài báo đăng trên Kỷ yếu Hội thảo quốc gia và 01 bài đăng trên kỷ yếu Hội thảo quốc tế có chỉ số xuất bản ISBN.	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ